

Số: **08** /2022/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày **15** tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn,  
ngành đào tạo và tuyển dụng công chức cấp xã  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 135/TTr-SNV ngày 24/12/2021 và Văn bản số 207/SNV-XDCQ&CTTN ngày 10/02/2022; Báo cáo thẩm định số 184/BC-STP ngày 10/12/2021 của Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, ngành đào tạo và tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

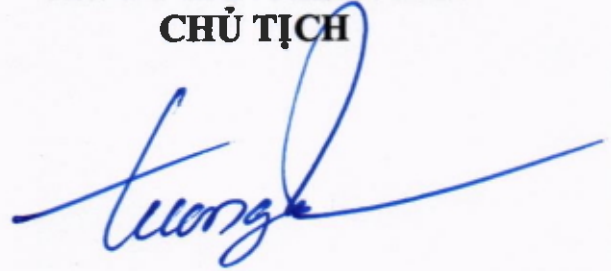
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 và thay thế Quyết định số 1588/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (T/hiện);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp;
- V0-3; TH2,4;
- Lưu: VT, TH5.  
QB01

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tường Văn**

**QUY ĐỊNH**

**Về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, ngành đào tạo  
và tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08 /2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, ngành đào tạo phù hợp với từng chức danh công chức cấp xã và tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Công chức cấp xã gồm 06 (sáu) chức danh quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (viết tắt là Nghị định số 92/2009/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Chỉ huy Trưởng quân sự;
2. Văn phòng - thống kê;
3. Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);
4. Tài chính - kế toán;
5. Tư pháp - hộ tịch;
6. Văn hóa - xã hội.

**Chương II  
TIÊU CHUẨN VỀ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ  
VÀ NGÀNH ĐÀO TẠO PHÙ HỢP VỚI CHỨC DANH  
CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Điều 3. Mục đích xác định tiêu chuẩn trình độ chuyên môn và ngành đào tạo**

Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn và ngành đào tạo đối với công chức cấp xã là căn cứ để tổ chức thực hiện công tác quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi

dưỡng, tuyển dụng, thực hiện các chế độ, chính sách hoặc tinh giản biên chế. Đối với công chức đã tuyển dụng trước khi Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (viết tắt là Thông tư số 13/2019/TT-BNV) có hiệu lực thi hành mà chưa đạt chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Thông tư có hiệu lực phải đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

#### **Điều 4. Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn trong tuyển dụng công chức cấp xã**

1. Người đăng ký dự tuyển hoặc tiếp nhận công chức vào xã, phường thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc huyện phải tốt nghiệp trình độ đại học loại khá trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã.

2. Người đăng ký dự tuyển hoặc tiếp nhận công chức vào xã thuộc huyện phải tốt nghiệp trình độ đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã.

3. Người đăng ký dự tuyển hoặc tiếp nhận vào chức danh công chức Chi huy Trưởng quân sự cấp xã phải tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

#### **Điều 5. Ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã**

1. Ngành đào tạo phù hợp với nhiệm vụ chức danh công chức cấp xã căn cứ vào bằng tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

a) Chức danh công chức Chi huy Trưởng quân sự cấp xã: ngành Quân sự cơ sở; Đối với người tốt nghiệp đại học các ngành: Hành chính và Luật thì yêu cầu phải có trình độ trung cấp ngành Quân sự cơ sở trở lên.

b) Chức danh công chức Văn phòng - thống kê, gồm các ngành: Hành chính, Luật, Nội vụ, Quản trị Văn phòng, Hành chính văn phòng, Quản trị nhân lực, Quản lý nguồn nhân lực, Văn thư - lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội, Khoa học quản lý, Quản lý công, Kế toán, Kinh tế, Quản lý kinh tế.

c) Chức danh công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), gồm các ngành: Địa chính; Trắc địa; Kỹ thuật trắc địa; Quản lý đất đai; Xây dựng; Kỹ thuật xây dựng; Kinh tế xây dựng và quản lý dự án; Giao thông, Kỹ thuật công trình giao thông; Môi trường; Quản lý tài nguyên và Môi trường; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật môi trường.

Ngoài ra, đối với xã gồm các ngành: Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng; Nông nghiệp; Nông học; Trồng trọt; Bảo vệ thực vật; Khuyến nông lâm;

Phát triển nông nghiệp nông thôn; Thủy sản và Thủy lợi; Đối với phường, thị trấn gồm: Kiến trúc; Quản lý công trình đô thị; Kỹ thuật hạ tầng đô thị.

d) Chức danh công chức Tài chính - kế toán, gồm các ngành: Kế toán; Tài chính; Tài chính - ngân hàng; Tài chính công; Kế toán - kiểm toán.

đ) Chức danh công chức Tư pháp - hộ tịch, gồm các ngành liên quan đến ngành Luật và được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch.

e) Chức danh công chức Văn hóa - xã hội:

Lĩnh vực Văn hóa, gồm các ngành: Văn hóa; Văn hóa - thông tin; Quản lý văn hóa; Quản lý nghệ thuật; Quản lý du lịch; Thể dục thể thao; Quản lý thể dục, thể thao; Báo chí - tuyên truyền; Phát thanh - truyền hình.

Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội, gồm các ngành: Lao động - tiền lương; Quản trị nhân lực; Quản lý nguồn nhân lực; Bảo hiểm; Quan hệ lao động và công đoàn; Kinh tế lao động; Lao động - xã hội; Công tác xã hội; Bảo trợ xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Công tác công đoàn; Chính sách xã hội; Quản lý xã hội; Xã hội học.

2. Đối với trường hợp có chuyên ngành đào tạo gần đúng với các ngành đào tạo quy định khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, thống nhất trước khi tuyển dụng.

3. Công chức cấp xã được tuyển dụng không quá 03 (ba) năm phải qua đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản lý nhà nước, lý luận chính trị, công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông, tiếng dân tộc thiểu số đối với địa bàn công tác phải sử dụng tiếng dân tộc trong hoạt động công vụ. Đối với công chức Chỉ huy Trưởng quân sự có trình độ trung cấp Quân sự cơ sở phải tham gia đào tạo trình độ đại học ngành Hành chính, Luật, Quân sự cơ sở.

### **Chương III**

## **TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

### **Mục 1**

## **NGUYÊN TẮC, CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, ƯU TIÊN VÀ THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

### **Điều 6. Nguyên tắc, căn cứ tuyển dụng**

1. Tuyển dụng công chức cấp xã phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật. Bảo đảm tính cạnh tranh, mọi công dân có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đều được tham gia dự tuyển.

2. Tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh, số lượng công chức cấp xã và kế hoạch tuyển dụng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã không được bảo lưu kết quả thi tuyển và xét tuyển cho các kỳ tuyển dụng lần sau.

### **Điều 7. Tiêu chuẩn chung**

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (viết tắt là Nghị định số 112/2011/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Đối với các công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:

a) Hiểu biết về lý luận chính trị, nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

b) Có năng lực tổ chức vận động nhân dân ở địa phương thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

c) Có trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, có đủ năng lực và sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

d) Am hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác.

2. Đối với công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã: ngoài những tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này còn phải có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

### **Điều 8. Tiêu chuẩn cụ thể**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, bản, khu phố (viết tắt là Nghị định số 34/2019/NĐ-CP); Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV; Điều 17 Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10/4/2013 của Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng Chỉ huy Trưởng, Chỉ huy Phó Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và Điều 4, Điều 5 Quy định này, cụ thể như sau:

1. Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 7 quy định này và các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

a) Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên.

b) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông.

c) Trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo: Thực hiện theo Điều 4, Điều 5 Quy định này.

2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh công chức Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã: Ngoài các tiêu chuẩn cụ thể quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải có tiêu chuẩn cụ thể sau:

a) Trong diện quy hoạch chức danh Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã.

b) Có năng lực tham mưu cho cấp ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, công tác dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng - an ninh và phòng thủ dân sự; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn cấp xã.

c) Tham mưu có hiệu quả cho cấp ủy, chính quyền cấp xã trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, chính sách hậu phương quân đội.

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự ở cấp xã.

### **Điều 9. Điều kiện đăng ký dự tuyển**

Thực hiện theo Điều 36 Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Điều 6 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 13/2019/TT-BNV, cụ thể như sau:

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.
- b) Đủ 18 tuổi trở lên.
- c) Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng.
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp.
- đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.
- e) Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ.
- g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

- a) Không cư trú tại Việt Nam.
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã xác định các điều kiện khác quy định tại điểm g khoản 1 Điều này bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã cần tuyển trong kế hoạch tuyển dụng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi tuyển dụng.

4. Ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, chức danh Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển chọn theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này.

#### **Điều 10. Ưu tiên trong tuyển dụng**

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã:

a) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

2. Trường hợp người dự tuyển công chức cấp xã thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 14 và khoản 2 Điều 17 Quy định này.

#### **Điều 11. Phương thức tuyển dụng**

1. Thực hiện tuyển dụng thông qua thi tuyển đối với 05 chức danh công chức: Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội.

2. Chức danh Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã: Thực hiện xét tuyển theo Quy định này. Quy trình bổ nhiệm Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã theo Luật Dân quân tự vệ và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn có liên quan.

3. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng theo khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP: Căn cứ tiêu chuẩn cụ thể và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã để thực hiện tiếp nhận không qua thi tuyển và xét tuyển theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 13/2019/TT-BNV và Quy định này.

## **Điều 12. Thẩm quyền tuyển dụng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và Quy định này.

Trường hợp số lượng người đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng công chức cấp xã trong phạm vi quản lý của cấp huyện dưới 20 người thì không phải thành lập Hội đồng tuyển dụng; sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ, cơ quan Tổ chức - Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã. Khi tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã vẫn phải thành lập các Ban giúp việc theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy định này.

2. Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã tập trung tại tỉnh:

Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương tuyển dụng công chức cấp xã tập trung tại tỉnh. Sau khi có văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch và tổ chức tuyển dụng công chức tại tỉnh theo nội dung đã được phê duyệt.

## **Điều 13. Hội đồng tuyển dụng**

1. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã có 05 hoặc 07 thành viên, gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Cơ quan Tổ chức - Nội vụ;
- c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức cơ quan Tổ chức - Nội vụ;
- d) Các ủy viên là đại diện lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan.

2. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp số ý kiến đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thành lập các Ban giúp việc.

Đối với thi tuyển: Thành lập Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo.

Đối với xét tuyển chức danh công chức Chi huy Trường quân sự: Thành lập Ban kiểm tra phiếu và hồ sơ dự tuyển; Ban kiểm tra sát hạch để thực hiện phỏng vấn tại vòng 2.

b) Tổ chức thu và sử dụng phí dự tuyển theo quy định.

c) Tổ chức thi; chấm thi viết hoặc phỏng vấn; kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển khi xét tuyển.

d) Chậm nhất là 10 ngày sau ngày tổ chức chấm thi xong, kê cả phòng vấn (nếu có), Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định phê duyệt kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển.

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển, xét tuyển.

3. Hội đồng tuyển dụng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng) thành lập các Ban giúp việc, ban hành nội quy, quy chế kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã theo Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (gọi tắt là Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV).

4. Hội đồng tuyển dụng được sử dụng con dấu, tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các hoạt động của Hội đồng tuyển dụng.

## Mục 2

### THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

#### **Điều 14. Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển**

Thi tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

1. Vòng 1: Thi trắc nghiệm bằng hình thức thi trên máy vi tính hoặc trên giấy.

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần:

Phần I. Kiến thức chung gồm 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thời gian thi 60 phút.

Phần II. Tin học gồm 30 câu hỏi về kiến thức cơ bản, kỹ năng ứng dụng tin học văn phòng vào nhiệm vụ chuyên môn. Thời gian thi 30 phút.

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu hỏi trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2 theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học; Miễn phần thi tin học (vòng 1) đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học hoặc toán - tin trở lên.

b) Thông báo kết quả thi

Trường hợp tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho người dự tuyển được biết ngay sau khi làm bài thi trên máy vi tính; không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

Trường hợp tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau:

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1; Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả điểm thi để người dự tuyển biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày sau ngày thông báo kết quả điểm thi trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để người dự tuyển được biết.

Trường hợp phải kéo dài thời gian thực hiện các công việc (chấm thi trắc nghiệm trên giấy, công bố kết quả thi vòng 1 trên giấy, chấm phúc khảo, công bố kết quả chấm phúc khảo) do chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định nhưng không quá 15 ngày.

c) Thông báo triệu tập thi vòng 2:

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo triệu tập người dự tuyển đủ điều kiện dự thi vòng 2.

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập người dự tuyển được tham dự vòng 2 thì phải tổ chức thi vòng 2.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí chức danh công chức yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau, bảo đảm phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng.

b) Hình thức thi: Thi viết.

c) Thời gian thi: 180 phút.

d) Thang điểm: 100 điểm.

**Điều 15. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển**

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 14 Quy định này đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 10 Quy định này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả

điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

### Mục 3

## XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CHỈ HUY TRƯỞNG QUÂN SỰ CẤP XÃ

### **Điều 16. Hội đồng xét tuyển công chức Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã**

1. Nếu xét tuyển và thi tuyển công chức cấp xã cùng một đợt tuyển dụng thì Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã có nhiệm vụ xét tuyển công chức Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã theo quy định.

2. Trường hợp xét tuyển không cùng đợt thi tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển. Hội đồng xét tuyển hoạt động theo từng kỳ xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Hội đồng xét tuyển thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Quy định này.

### **Điều 17. Nội dung và hình thức xét tuyển công chức Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã**

Việc xét tuyển được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1. Vòng 1: Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển, nếu đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì người dự tuyển được tham dự vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều này.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo triệu tập người dự tuyển đủ điều kiện dự phỏng vấn vòng 2.

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập người dự tuyển được tham dự vòng 2 thì phải tổ chức sát hạch phỏng vấn.

2. Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn của người dự tuyển. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100. Thời gian phỏng vấn 30 phút/người (trước khi phỏng vấn, thí sinh có không quá 15 phút chuẩn bị). Không thực hiện phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

Việc tổ chức các vòng thi thực hiện theo quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

### **Điều 18. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển và bổ nhiệm công chức Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã**

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh công chức Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã là người có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 quy định

tại khoản 2 Điều 17 Quy định này, đạt từ 50 điểm trở lên; Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 10 Quy định này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng và theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chi huy Trưởng Ban Chi huy quân sự cấp huyện.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn vòng 2 cộng với điểm ưu tiên bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn vòng 2 cao hơn và theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chi huy Trưởng Ban Chi huy quân sự cấp huyện là người trúng tuyển.

#### Mục 4

### TRÌNH TỰ TỔ CHỨC THI TUYỂN, XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

#### **Điều 19. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng**

1. Căn cứ số lượng biên chế cán bộ, công chức được giao, yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã theo từng chức danh được giao, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện nhu cầu và vị trí tuyển dụng công chức.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, xây dựng kế hoạch và nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã gửi Sở Nội vụ thẩm định.

3. Sửa đổi, bổ sung kế hoạch tuyển dụng sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ (nếu có), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch, nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã và tổ chức triển khai thực hiện.

#### **Điều 20. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo công khai ít nhất 01 lần trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký tuyển dụng công chức về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng và chức danh công chức cần tuyển, thời hạn và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển.

2. Người đăng ký dự tuyển công chức phải trực tiếp nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP tại địa điểm tiếp nhận hoặc gửi theo đường bưu chính.

3. Trường hợp người đăng ký dự tuyển tham gia kỳ xét tuyển công chức Chi huy Trưởng quân sự cấp xã thì ngoài việc nộp Phiếu đăng ký dự tuyển còn phải nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển.

4. Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày sau ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng.

5. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải lập danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng và gửi thông báo tới người dự tuyển.

### **Điều 21. Tổ chức tuyển dụng**

1. Hết thời gian nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, chậm nhất là 10 ngày trước khi tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã.

2. Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã và báo cáo kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định công nhận theo quy định.

### **Điều 22. Thông báo kết quả tuyển dụng**

1. Chậm nhất là 10 ngày sau ngày nhận được báo cáo kết quả vòng 2 của Hội đồng tuyển dụng, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải niêm yết công khai kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển, danh sách người dự kiến trúng tuyển tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký tuyển dụng và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện; gửi thông báo kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển.

2. Trong thời hạn 15 ngày sau ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi tuyển vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 14 Quy định này. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định tại khoản này.

3. Hội đồng tuyển dụng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả tuyển dụng và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời gian người trúng tuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo công nhận kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự tuyển để hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển, bao gồm:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác hoặc cư trú.

b) Bản sao giấy khai sinh hoặc bản công chứng, chứng thực.

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch thuật sang tiếng Việt, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

d) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế đủ điều kiện cấp và trong thời hạn sử dụng theo quy định.

đ) Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp.

Trường hợp người trúng tuyển có lý do chính đáng mà không thể đến hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển thì phải làm đơn đề nghị được gia hạn trước khi kết thúc thời hạn hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển gửi đến Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thời gian gia hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển quy định tại Khoản này.

5. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc Hội đồng tuyển dụng phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển và thông báo cho người dự tuyển, đồng thời thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 15 hoặc khoản 2 Điều 18 Quy định này.

7. Sau khi người trúng tuyển hoàn thiện đủ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này, trong thời hạn 05 ngày, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản gửi Sở Nội vụ thẩm định kết quả tuyển dụng và phê duyệt danh sách xếp lương những người trúng tuyển.

### **Điều 23. Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận công tác**

1. Đối với 05 chức danh: Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội: Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, trong thời hạn 07 ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng công chức cấp xã và gửi tới người trúng tuyển.

2. Đối với chức danh Chỉ huy Trưởng quân sự: Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, trong thời hạn 07 ngày, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng phải đến cơ quan nhận công tác, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác. Trường hợp người được tuyển dụng có lý do chính đáng mà không thể đến nhận công tác thì phải có đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn nêu trên gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện; thời gian xin gia hạn không quá 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận việc quy định tại khoản này.

4. Trường hợp người được tuyển dụng không đến nhận việc sau thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng, đồng thời quyết định tuyển dụng đối với người đủ điều kiện trúng tuyển có điểm thấp hơn liền kề theo quy định tại Khoản 6 Điều 22 Quy định này.

#### **Chương IV**

### **CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT TRONG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

#### **Điều 24. Các trường hợp tuyển dụng không qua thi tuyển, xét tuyển**

Căn cứ tiêu chuẩn công chức cấp xã quy định tại Điều 7, Điều 8 và điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Điều 9 Quy định này và yêu cầu công việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được tuyển dụng không qua thi tuyển, xét tuyển đối với các trường hợp đặc biệt sau:

1. Người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, có thời gian ít nhất 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên làm công việc phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng (không kể thời gian tập sự, thử việc), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Nếu có thời gian công tác không liên tục, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn, gồm:

a) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, đã có thời gian làm viên chức 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên, tính từ thời điểm được tuyển dụng viên chức (không kể thời gian tập sự);

b) Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu, đã có thời gian công tác 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) hoặc làm công tác cơ yếu, tính từ thời điểm có quyết định tuyển dụng chính thức vào quân đội, công an hoặc tại các tổ chức của lực lượng cơ yếu.

2. Cán bộ cấp xã giữ chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP khi thôi đảm nhiệm chức vụ cán bộ cấp xã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ các tiêu chuẩn của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

b) Còn số lượng và vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

c) Đáp ứng được ngay yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

d) Trường hợp trước khi bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã chưa phải là công chức cấp xã thì thời gian giữ chức vụ cán bộ cấp xã ít nhất là 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên.

đ) Tại thời điểm tiếp nhận không trong thời gian bị xem xét kỷ luật; bị điều tra, truy tố, xét xử và không trong thời hạn bị thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức cấp xã được bố trí chức danh theo đúng chuyên ngành đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày được tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức (nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) được tính để làm căn cứ xếp lương phù hợp với chức danh công chức được tuyển dụng.

**Điều 25. Hồ sơ người được đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển, xét tuyển**

Hồ sơ của người đề nghị tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển và xét tuyển thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 13/2019/TT- BNV, cụ thể như sau:

1. Sơ yếu lý lịch theo mẫu có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác hoặc cư trú.

2. Bản sao giấy khai sinh hoặc bản công chứng, chứng thực.

3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã dự tuyển được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế đủ điều kiện cấp và trong thời hạn sử dụng theo quy định.

5. Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Quy định này thì không yêu cầu có phiếu lý lịch tư pháp.

6. Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác và các hình thức khen thưởng đã đạt được, có nhận xét và xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác.

7. Trường hợp xét tuyển công chức Chỉ huy Trưởng quân sự cấp xã phải có ý kiến bằng văn bản của Chỉ huy Trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

8. Quyết định phê chuẩn, công nhận giữ các chức vụ, chức danh cán bộ cấp xã, tuyển dụng viên chức, lực lượng vũ trang...; quyết định xếp lương, bổ nhiệm vào ngạch, chức danh nghề nghiệp; xác nhận đóng bảo hiểm xã hội; quyết định nâng bậc lương gần nhất.

## **Điều 26. Hội đồng kiểm tra, sát hạch**

1. Hội đồng kiểm tra, sát hạch công chức cấp xã (sau đây gọi chung là Hội đồng kiểm tra, sát hạch) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập. Hội đồng kiểm tra, sát hạch hoạt động theo từng kỳ kiểm tra, sát hạch và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

3. Hội đồng kiểm tra, sát hạch được sử dụng con dấu, tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các hoạt động của Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

## **Điều 27. Chuẩn bị câu hỏi kiểm tra, sát hạch**

1. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao nhiệm vụ cho phòng chuyên môn cấp huyện xây dựng câu hỏi kiểm tra, sát hạch, nội dung về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Các câu hỏi và đáp án chấm thi phải có thang điểm chi tiết đến 5 điểm, được niêm phong và bàn giao cho Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

3. Các thành viên được giao nhiệm vụ xây dựng câu hỏi, đáp án có trách nhiệm giữ bí mật nội dung của đề thi, câu hỏi thi, đáp án chấm thi và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để lộ thông tin liên quan đến câu hỏi, đáp án.

## **Điều 28. Tổ chức kiểm tra, sát hạch**

1. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tổ chức phỏng vấn người được đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã thực hiện theo khoản 2 Điều 17 Quy định này.

### **2. Xử lý kết quả phỏng vấn**

a) Trường hợp các thành viên chấm chênh lệch nhau từ 5 điểm trở xuống (điểm của thành viên chấm cao nhất so với điểm của thành viên chấm thấp nhất) thì lấy điểm trung bình cộng của các thành viên làm điểm chính thức vào bảng tổng hợp chung. Điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến một chữ số thập phân. Các thành viên cùng ký, ghi rõ họ tên vào bảng tổng hợp chung.

b) Trường hợp các thành viên chấm chênh lệch nhau từ trên 5 điểm trở lên (điểm của thành viên chấm cao nhất so với điểm của thành viên chấm thấp nhất) thì Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch tổ chức thảo luận với các thành viên tham gia chấm, sau đó Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch quyết định điểm chính thức rồi ghi điểm vào bảng tổng hợp chung. Điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến một chữ số thập phân. Các thành viên cùng ký, ghi rõ họ tên vào bảng tổng hợp chung.

3. Kết quả chấm phỏng vấn phải được niêm phong và bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng ngay sau khi kết thúc buổi phỏng vấn.

4. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả điểm phỏng vấn.

5. Thư ký Hội đồng kiểm tra, sát hạch tổng hợp điểm và báo cáo Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thông

báo kết quả kiểm tra, sát hạch và quyết định tuyển dụng sau khi có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 29. Quy trình thực hiện tiếp nhận không qua thi tuyển, xét tuyển**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản báo cáo xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về các trường hợp đề nghị tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển.

2. Sau khi có ý kiến phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

3. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tổ chức sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển.

4. Hội đồng kiểm tra, sát hạch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả kiểm tra, sát hạch.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản gửi Sở Nội vụ thẩm định kết quả kiểm tra, sát hạch và phê duyệt danh sách xếp lương những người đạt kết quả kiểm tra, sát hạch;

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

**Chương V**

**CÁC CÔNG VIỆC KHÁC CỦA KỲ THI TUYỂN, XÉT TUYỂN  
CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Điều 30. Giám sát kỳ thi tuyển, xét tuyển**

1. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức cấp xã quyết định thành lập Ban giám sát kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển gồm: Trưởng ban và các thành viên.

2. Không cử những người tham gia Hội đồng tuyển dụng, các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển dụng làm thành viên Ban giám sát.

3. Không cử làm thành viên Ban giám sát đối với những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con đẻ hoặc con nuôi của người dự thi tuyển, xét tuyển hoặc những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

4. Nội dung giám sát gồm: Việc thực hiện các quy định về tổ chức kỳ thi tuyển, xét tuyển; thực hiện quy chế và nội quy của kỳ thi tuyển, xét tuyển; thực hiện chức trách, nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng tuyển dụng và thành viên tham gia các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển dụng.

5. Địa điểm giám sát: Tại nơi làm việc của Hội đồng tuyển dụng và các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển dụng

6. Thành viên Ban giám sát được quyền vào phòng thi, phòng phỏng vấn trong thời gian thi hoặc phỏng vấn, nơi chấm thi, chấm phúc khảo; có quyền nhắc nhở thí sinh, giám thị phòng thi, phòng phỏng vấn, giám thị hành lang, các thành viên khác của Hội đồng tuyển dụng, các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển dụng trong việc thực hiện quy chế và nội quy của kỳ thi tuyển, xét tuyển; được quyền yêu cầu giám thị phòng thi lập biên bản thí sinh vi phạm quy chế, nội quy (nếu có).

7. Khi phát hiện thành viên của Hội đồng tuyển dụng, các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển dụng vi phạm nội quy, quy chế của kỳ thi tuyển, xét tuyển thì thành viên Ban giám sát được quyền lập biên bản và đề nghị Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng đình chỉ làm nhiệm vụ; đồng thời báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

8. Trường hợp thành viên Ban giám sát không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao sẽ bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

### **Điều 31. Giải quyết khiếu nại, tố cáo**

1. Trong quá trình tổ chức kỳ thi tuyển, xét tuyển; trường hợp có đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thì Hội đồng tuyển dụng phải xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Trường hợp có đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan đến kỳ thi tuyển, xét tuyển sau khi Hội đồng tuyển dụng đã giải thể thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

### **Điều 32. Lưu trữ tài liệu**

1. Tài liệu kỳ thi tuyển, xét tuyển bao gồm: Các văn bản tổ chức kỳ thi tuyển, xét tuyển của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng công chức cấp xã ký ban hành; văn bản của Hội đồng tuyển dụng; biên bản các cuộc họp Hội đồng tuyển dụng; danh sách tổng hợp người dự tuyển; biên bản bàn giao đề thi, đề phỏng vấn (kèm đáp án); biên bản xác định tình trạng niêm phong đề thi, đề phỏng vấn; biên bản lập về các vi phạm quy chế, nội quy thi, xét tuyển; biên bản bàn giao bài thi, đề thi gốc, đề phỏng vấn gốc; biên bản chấm thi, phiếu chấm điểm, bảng tổng hợp kết quả thi; kết quả điểm phỏng vấn, kết quả xét tuyển; quyết định công nhận kết quả thi, xét tuyển; biên bản phúc khảo, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các loại biên bản khác liên quan đến kỳ thi tuyển, xét tuyển đều phải lưu trữ thành bộ tài liệu.

2. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi tuyển, xét tuyển, Ủy viên Thư ký Hội đồng chịu trách nhiệm bàn giao toàn bộ tài liệu kỳ thi tuyển, xét tuyển quy định tại khoản 1 Điều này; cùng với túi đựng bài thi và túi đựng đầu phách còn nguyên niêm phong cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển

dụng công chức, để tổ chức lưu trữ và quản lý theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

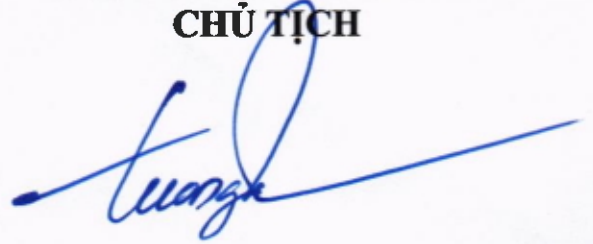
## **Chương VI** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 33. Trách nhiệm thi hành**

1. Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo Quy định hiện hành và Quy định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển của Ủy ban nhân dân cấp huyện; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tường Văn**